**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 24 - 10 - 2019
V/v cấp dưỡng nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn A Đam

Ông Hồ Minh Tấn

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hồ Dũng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:***

Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2019/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 về việc "*Cấp dưỡng nuôi con*".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 72/2019/HNGĐ-ST ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện U bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Huyền Đ, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã Khánh T, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Lê Minh Đ1, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp 7, xã Khánh H, huyện U, tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện hợp pháp của anh Đ1*: Ông Phan Hoàng B, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số 196, T, khóm 8, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/10/2019), (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Anh Lê Minh Đ1 – Bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn chị Trần Huyền Đ trình bày:*

Tại bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST ngày 24/01/2018, Tòa án nhân dân huyện U quyết định: cho chị và anh Đ1 ly hôn, giao hai con chung tên Lê Trần Thảo V, sinh ngày 15/12/2005 và Lê Nhất D, sinh ngày 06/12/2008 cho chị nuôi. Hiện nay các con chung đã lớn cần nhiều khoản chi phí ăn học, hoàn cảnh của chị gặp nhiều

khó khăn, thu nhập không ổn định nên việc lo cho con ăn học sắp tới gặp nhiều khó khăn. Anh Lê Minh Đ1 đang công tác tại Trại giam K3, có lương và thu nhập ổn định khoảng 12.000.000 đồng/tháng, do đó chị Trần Huyền Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đ1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai người con chung, mỗi người con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày khởi kiện.

*Bị đơn anh Lê Minh Đ1 trình bày:*

Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi đứa 1.000.000 đồng/tháng. Anh hiện mang cấp bậc đại úy, lương thực lãnh khoảng 11.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra anh phải trả nợ Ngân hàng. Trước khi xét xử sơ thẩm anh có đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng cho một cháu là 1.000.000 đồng nhưng chị Đ không đồng ý, cho nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 72/2019/HNGĐ-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện U quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Huyền Đ đối với anh Lê Minh Đ1 về việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Minh Đ1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Lê Huyền Đ đối với Lê Trần Thảo V, sinh ngày 15/12/2005 và Lê Nhất D, sinh ngày 06/12/2008 mỗi con chung là 2.000.000đồng/tháng, hai con chung là 4.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25/9/2019 anh Lê Minh Đ1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án vì chị Đ không còn quyền yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con do bản án số: 11/2018/HNGĐ – ST ngày 24/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện U đã có hiệu lực pháp luật.

Ngày 23/10/2019, anh Đ1 có "Đơn xin sửa đổi bổ sung đơn kháng cáo", với nội dung: Giao hai người con chung cho anh Đ1 trực tiếp nuôi, vì lý do chị Đ trình bày không có điều kiện và khả năng nuôi con; nếu Tòa án không chấp nhận thì anh nhận nuôi một đứa con; yêu cầu xem xét lại mức cấp dưỡng hai con.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn trình bày: Đồng ý với bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh Đ1. Ngoài thu nhập từ lương, anh Đ1 không có tài sản nào khác; mẹ con chị Đ sống chung với cha mẹ có nhà ổn định, chị đứng tên một thửa đất rừng diện tích 06ha nhưng là tài sản của cha mẹ chị.

Đại diện bị đơn trình bày: Rút một phần nội dung kháng cáo, chỉ kháng cáo với nội dung là xem xét lại mức cấp dưỡng cho một cháu 2.000.000 đồng/tháng là cao, vì anh Đ1 chỉ thu nhập từ lương, không có nơi ở phải ở nhờ tại cơ quan, anh Đ1 trả nợ vay Ngân hàng lúc vợ chồng còn chung sống và hiện đang đi học đại học với thời gian dài.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST ngày 24/01/2018, Tòa án nhân dân huyện U quyết định: Chị Đ và anh Đ1 ly hôn; giao hai con chung tên Lê Trần Thảo V và Lê Nhất D cho chị Đ trực tiếp nuôi, việc cấp dưỡng không đặt ra. Ngày 26/12/2018, Tòa án nhân dân huyện U thụ lý đơn khởi kiện của chị Đ về việc yêu cầu anh Đ1 cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu 2.000.000 triệu đồng/tháng. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị Đ. Ngày 25/9/2019 anh Đ1 kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, ngày 23/10/2019 có "Đơn xin sửa đổi bổ sung đơn kháng cáo". Tại phiên tòa, đại diện bị đơn rút một phần kháng cáo, chỉ kháng cáo nội dung yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, xem xét lại mức cấp dưỡng mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng là cao.

[2] Xét kháng cáo của anh Lê Minh Đ1

Đối với kháng cáo của anh Đ1, không đồng ý mức cấp dưỡng cho mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng. Để xác định mức cấp dưỡng bao nhiêu thì tại khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình quy định, đó là: phụ thuộc vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng.

Xét thu nhập của anh Đ1, có thu nhập từ lương mỗi tháng khoảng 11.000.000 đồng, nhưng phải chi phí nhiều khoản như đại diện bị đơn trình bày tại phiên tòa.

Về phía hai cháu Thảo V và Nhất D hiện các cháu đang học Trung học cơ sở thì cũng cần phải có những chi phí cho nhu cầu thiết yếu như ăn uống, tiền học …Tuy nhiên, tại thời điểm tháng 01/2018 khi Tòa án giải quyết ly hôn, về nuôi con chung thì anh Đ1 cũng có nguyện vọng nuôi con, chị Đ yêu cầu trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu cấp dưỡng. Thời gian chưa tròn 01 năm chị Đ lại gửi đơn khởi kiện yêu cầu anh Đ1 cấp dưỡng với lý do hoàn cảnh gặp nhiều khó khăn, thu nhập không ổn định... nhưng thực tế từ khi Tòa án huyện thụ lý cho đến nay chị cũng không trao đổi hoặc đặt ra yêu cầu với anh Đ1 để anh Đ1 trực tiếp nuôi con, hiện tại anh Đ1 vẫn bảo lưu ý kiến là đồng ý nuôi cả hai hoặc một người con. Hai đương sự có hai người con nên chị Đ cũng phải có trách nhiệm nuôi con. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Đ xác nhận ngoài thu nhập từ lương thì anh Đ1 không có tài sản khác, đối với chị Đ hiện chung sống cùng cha mẹ có nhà ở ổn định, chị Đ còn đứng tên một phần đất rừng diện tích 06ha, trong khi anh Đ1 phải ở nhờ tại nơi làm việc,

anh trả nợ vay Ngân hàng, đi học dài hạn, chi phí ăn uống, sinh hoạt cá nhân… cho nên anh Đ1 tự nguyện cấp dưỡng mỗi cháu một tháng 1.000.000 đồng là phù hợp, có căn cứ (vì tiền anh Đ1 cấp dưỡng cho mỗi cháu cao hơn ½ mức lương cơ sở). Vì vậy, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đ1, buộc cấp dưỡng nuôi con cho mỗi cháu một tháng bằng 1.000.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa, đại diện bị đơn rút một phần kháng cáo với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án vì chị Đ không còn quyền yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con do bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST ngày 24/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện U đã có hiệu lực pháp luật. Giao hai người con chung cho anh Đ1 trực tiếp nuôi, vì lý do chị Đ trình bày không có điều kiện và khả năng nuôi con, nếu Tòa án không chấp nhận thì anh nhận nuôi một đứa con. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm với nội dung rút kháng cáo.

[4] Từ nhận định trên, chấp nhận kháng cáo của anh Đ1; sửa bản án sơ thẩm số: 72/2019/HNGĐ-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện U. Buộc anh Đ1 cấp dưỡng nuôi con cho mỗi cháu một tháng bằng 1.000.000 đồng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm như nhận định trên.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Anh Đ1 không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289; Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Minh Đ1.

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 72/2019/HNGĐ-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau.

*Tuyên xử*: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Huyền Đ.

Buộc anh Lê Minh Đ1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trần Huyền Đ đối với Lê Trần Thảo V, sinh ngày 15/12/2005 và Lê Nhất D, sinh ngày 06/12/2008 cho mỗi cháu một tháng bằng 1.000.000 (*một triệu*) đồng, cấp dưỡng

hàng tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/8/2019) cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, anh Đ1 chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung rút một phần kháng cáo của anh Đ1 về yêu cầu hủy bản án sơ thẩm; yêu cầu nuôi hai hoặc một người con chung.

3. Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm anh Đ1 phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp).

Án phí phúc thẩm anh Đ1 không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai số 0004576 ngày 09/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, được nhận lại toàn bộ.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận***:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Thị Hiền**